TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 225/2018/QĐST-HNGĐ	*Thới Bình, ngày 17 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 190/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp M, xã Tr, huyện T, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Mộng T2, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp N, xã Tr, huyện T, tỉnh Cà Mau

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Kiều M, sinh năm 1975

3.2. Bà Hàng Thị L1, sinh năm 1976

3.3. Bà Lâm Thị Bích V, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã Tr, huyện T, tỉnh Cà Mau

3.4. Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1954

3.5. Bà Trương Thị Kiều D, sinh năm 1974

3.6. Bà Nguyễn Thị Bảo T3, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã Tr, huyện T, tỉnh Cà Mau

3.7. Bà Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1965

3.8. Bà Nguyễn Kim S, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Tr, huyện T, tỉnh Cà Mau

3.9. Bà Lê Thị L2, sinh năm 1958

Địa chỉ: Ấp O, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Huỳnh Minh T1 và bà Nguyễn Mộng T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Minh T1 và bà Nguyễn Mộng T2 thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Ông T1 được quyền nuôi dạy 01 người con chung tên Huỳnh Ng, sinh ngày 23/4/2009 (giới tính: Nam). Ông T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T2 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đúng quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận.

2.4. Về nợ chung:

Ông T1 và bà T2 đồng ý cùng có trách nhiệm thanh toán cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các khoản nợ sau đây:

- Thanh toán cho bà T3 khoản vàng vốn vay còn nợ là 03 chỉ vàng 24k (ba chỉ vàng 24k);
- Thanh toán cho bà L1 khoản tiền hụi chết còn nợ là 52.000.000 đồng (năm mươi hai triệu đồng);
- Thanh toán cho bà V khoản tiền hụi chết còn nợ là 98.000.000 đồng (chín mươi tám triệu đồng);
- Thanh toán cho bà D khoản tiền hụi chết còn nợ là 37.200.000 đồng (ba mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng);
- Thanh toán cho bà M khoản tiền hụi chết còn nợ là 31.000.000 đồng (ba mươi mốt triệu đồng) và 1.000.000 đồng tiền mượn (một triệu đồng);
- Thanh toán cho bà Đ khoản hụi chết còn nợ là 65.100.000 đồng (sáu mươi lăm triệu một trăm ngàn đồng);
- Thanh toán cho bà S khoản tiền hụi chết còn nợ là 71.250.000 đồng (bảy mươi mốt triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) và khoản vàng vốn vay còn nợ 04 chỉ vàng 24k (bốn chỉ vàng 24k);
- Thanh toán cho bà N khoản tiền mượn còn nợ là 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm ngàn đồng);
- Thanh toán cho bà L2 khoản tiền mua vải còn nợ là 9.049.000 đồng (chín triệu không trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày bà L1, bà V, bà D, bà M, bà Đ, bà S, bà N và bà L2 có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp, ông T1 và bà T2 không chịu thanh toán các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng, ông T1 và bà T2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.5. Về án phí:

2.5.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T1 đồng ý nộp 150.000 đồng.

2.5.2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ thanh toán nợ, đương sự phải nộp 50% án phí có giá ngạch 5%: Ông T1 và bà T2 đồng ý nộp. Ông T1 và bà T2 có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, nên được xét giảm ½, chỉ phải nộp số tiền cụ thể như sau:

- Nộp án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà T3 là 128.500 đồng;
- Nộp án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà L1 là 650.000 đồng;
- Nộp án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà V là 1.225.000 đồng;
- Nộp án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà D là 465.000 đồng;
- Nộp án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà M là 400.000 đồng.
- Nộp án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà Đ là 814.000 đồng;
- Nộp án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà S là 1.062.000 đồng;
- Nộp án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà N là 82.500 đồng;
- Nộp án phí đối với nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà L2 là 113.000 đồng;

Ngày 23 tháng 02 năm 2018, ông T1 nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005290 được khấu trừ và phải nộp tiếp khoản tiền án phí còn nợ.

2.5.3. Trả lại khoản tiền nộp tạm ứng án phí cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

- Trả lại cho bà T3 273.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005363 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành ngày 28/3/2018;

- Trả lại cho bà L1 1.300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005364 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành ngày 29/3/2018;

- Trả lại cho bà V 2.775.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005365 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành ngày 29/3/2018;

- Trả lại cho bà D 963.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005366 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành ngày 29/3/2018;

- Trả lại cho bà M 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005367 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành ngày 29/3/2018;

- Trả lại cho bà Đ 1.628.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005368 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành ngày 29/3/2018;

- Trả lại cho bà S 1.977.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005369 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành ngày 29/3/2018;

- Trả lại cho bà N 165.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005370 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành ngày 29/3/2018;

- Trả lại cho bà L2 226.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005371 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình phát hành ngày 29/3/2018;

3. Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình để bảo đảm việc thi hành án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xa Trí Lực;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Trọng Quế